

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 200/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 1988

NGHỊ ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 200/HĐBT NGÀY 28-12-1988

BAN HÀNH ĐIỀU LỆ VỀ GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước;

Để tăng cường công tác tổ chức và quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp;

Theo đề nghị của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Nay ban hành kèm theo Nghị định này bản Điều lệ về giải pháp hữu ích.

Điều 2. - Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Điều lệ này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. - Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố đặc khu trực thuộc Trung ương, chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

ĐIỀU LỆ

VỀ GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

(Ban hành kèm theo Nghị định số 200-HĐBT ngày 28-12-1988

của Hội đồng Bộ trưởng)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Phạm vi hiệu lực:

1. Điều lệ này áp dụng cho mọi cá nhân và pháp nhân Việt Nam nhằm khuyến khích việc tạo ra, áp dụng nhanh và rộng rãi các giải pháp hữu ích vào sản xuất, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội.

2. Các cá nhân và pháp nhân nước ngoài cũng được hưởng các quyền do Điều lệ này quy định trên nguyên tắc có đi có lại, theo đúng pháp luật của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các điều ước Quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Điều 2. - Tiêu chuẩn bảo hộ giải pháp hữu ích:

1. Giải pháp hữu ích được bảo hộ theo Điều lệ này là giải pháp kỹ thuật mới đối với Việt Nam, có khả năng áp dụng vào sản xuất Việt Nam trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật hiện tại và mang lại lợi ích kinh tế, xã hội với hiệu quả mới hoặc cao hơn hiệu quả thu được trên cơ sở tình trạng kỹ thuật tại thời điểm nộp đơn.

2. Một giải pháp được công nhận là mới nếu trước ngày ưu tiên của đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích (theo quy định ở điều 6) giải pháp đó chưa được sử dụng công khai hoặc công bố công khai ở Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào (các loại ấn phẩm, băng ghi âm, ghi hình, trưng bày triển lãm...) đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện được và không trùng với một trong các giải pháp của đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích hoặc sáng chế có ngày ưu tiên sớm hơn nộp tại Cục Sáng chế - Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

Giải pháp không bị coi là mất tính mới nếu đã bị người khác công bố mà không được phép của chủ giải pháp trong vòng 6 tháng trước ngày nộp đơn xin bảo hộ.

3. Đối tượng của giải pháp hữu ích có thể là cơ cấu, chất hoặc phương pháp.

Điều 3. - Những giải pháp kỹ thuật không được bảo hộ.

Không công nhận là giải pháp hữu ích các giải pháp kỹ thuật sau đây:

a) Được tạo ra một cách dễ dàng đối với chuyên gia trong lĩnh vực kỹ thuật đó.

b, Trái với pháp luật và đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Điều 4. - Các đối tượng không được bảo hộ.

Các đối tượng dưới đây không được bảo hộ theo Điều lệ này:

a) Các phương pháp và hệ thống quản lý kinh tế (kế hoạch, tài chính, cung ứng, thống kê...).

b) Các ý đồ nguyên lý và phát minh khoa học, các chương trình máy tính, các mô hình toán học, đồ thị tra cứu và các dạng tương tự.

- c) Các hệ thống ngôn ngữ (Hệ thống ngôn ngữ, hệ thống ngữ pháp, các hệ thống ngôn ngữ nhân tạo, mã số, chữ viết, cách phát âm...) hệ thông tin, phân loại hệ thống sắp xếp tư liệu.
- d) Các phương pháp và hệ thống giáo dục, đào tạo, nuôi dưỡng.
- e) Các phương pháp luyện tập cho vật nuôi.
- g) Các đồ án và sơ đồ quy hoạch các công trình xây dựng, các đề án quy hoạch và phân vùng lãnh thổ (khu dân cư, vùng đất canh tác, công viên...).
- h) Các ký hiệu quy ước (các ký hiệu giao thông các tuyến đường...), thời gian biểu (giờ tàu xe, phân phối thời gian lao động...) các quy tắc (quy tắc chơi, luật giao thông...) và các luật lệ.
- i) Các giải pháp chỉ đề cập đến hình dạng bên ngoài của sản phẩm mà không mang nội dung kỹ thuật.
- k) Các chủng vi sinh, các giống cây trồng và giống vật nuôi.
- l) Các chất thu được bằng phương pháp hoá học, các chất thu được bằng phương pháp bán phá hạt nhân hoặc biến đổi hoá học nhờ phương pháp vi sinh (nhưng các phương pháp sản xuất chất là đối tượng được bảo hộ).
- m) Các phương pháp phòng bệnh, chẩn đoán bệnh, chữa bệnh cho người.

Điều 5. - Chuyển đổi đơn xin bảo hộ sáng chế thành đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích.

Những đơn xin bảo hộ sáng chế nộp tại Cục Sáng chế - Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có thể được chuyển đổi thành đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích.

Điều 6. - Quyền ưu tiên.

Quyền ưu tiên của đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích (sau đây gọi tắt là quyền ưu tiên) được xác định theo ngày ưu tiên của đơn. Ngày ưu tiên là:

- a) Ngày nộp đơn tại Cục Sáng chế - Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước; hoặc
- b) Ngày nộp đơn đầu tiên ở bất kỳ một nước thành viên nào của Công ước Pari về bảo hộ quyền sở hữu Công nghiệp, nếu đơn được nộp cho Cục Sáng chế - Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước trong vòng 12 tháng kể từ ngày nộp đơn đầu tiên; hoặc
- c) Ngày trưng bày giải pháp tại một cuộc triển lãm Quốc tế chính thức tổ chức trên lãnh thổ của bất kỳ nước thành viên nào của Công ước Pari về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nếu đơn được nộp tại Cục Sáng chế - Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày giải pháp đó được trưng bày tại triển lãm; hoặc

d) Ngày ưu tiên của đơn xin bảo hộ sáng chế, nếu là đơn chuyển đổi từ đơn xin bảo hộ sáng chế trên cơ sở điều 5.

Điều 7. - Quyền nộp đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích.

1. Quyền nộp đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích thuộc về cá nhân hay tập thể tạo ra giải pháp hữu ích bằng lao động sáng tạo của mình (dưới đây gọi là tác giả) hoặc người thừa kế hợp pháp của tác giả.

2. Đối với giải pháp hữu ích được tạo ra trong phạm vi trách nhiệm của tác giả khi thực hiện nhiệm vụ của cơ quan đơn vị hoặc chủ yếu nhờ sự giúp đỡ về phương tiện vật chất, nhân lực của cơ quan, đơn vị chủ quản (sau đây gọi là giải pháp hữu ích công vụ), quyền nộp đơn thuộc về cơ quan, đơn vị đó.

Trường hợp tác giả đã thông báo khả năng bảo hộ giải pháp hữu ích cho cơ quan, đơn vị sau thời hạn 2 tháng kể từ ngày thông báo cơ quan, đơn vị không nộp đơn xin bảo hộ thì tác giả có quyền nộp đơn xin bảo hộ giải pháp đó.

3. Đối với giải pháp hữu ích được tạo ra khi thực hiện hợp đồng nghiên cứu triển khai khoa học kỹ thuật thì quyền nộp đơn thuộc bên tạo ra giải pháp hữu ích, nếu không có sự thoả thuận nào khác ghi trong hợp đồng giữa các bên.

4. Đối với giải pháp hữu ích được tạo ra ở các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh thì quyền nộp đơn thuộc về tác giả nếu trong hợp đồng không có sự thoả thuận khác.

Điều 8. - Bảo hộ giải pháp hữu ích ở nước ngoài.

Mọi cá nhân, pháp nhân trước khi xin bảo hộ giải pháp hữu ích ở nước ngoài phải nộp đơn xin bảo hộ ở Việt Nam và được phép của Uỷ ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

Điều 9. - Trách nhiệm của cơ quan cấp văn bằng bảo hộ.

1. Cục Sáng chế - Uỷ ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước là cơ quan chịu trách nhiệm nhận đơn, xét nghiệm cấp văn bằng bảo hộ giải pháp hữu ích và theo dõi việc bỏ hộ trong thời hạn hiệu lực của bằng phù hợp với quy định của Điều lệ này.

2. Xét nghiệm viên, cộng tác viên xét nghiệm giải pháp hữu ích và mọi cá nhân khác trong Cục sáng chế có liên quan đến đơn xin bảo hộ giải pháp hữu ích có trách nhiệm giữ bí mật nội dung giải pháp hữu ích cho đến ngày giải pháp được công bố trong thông báo do Cục Sáng

chế - Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước xuất bản. Những nội dung không công bố trong thông báo và trong bản mô tả giải pháp hữu ích phải được giữ bí mật tuyệt đối.

Mọi vi phạm bảo mật đều bị cơ quan quản lý trực tiếp xử lý hành chính. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng bị truy tố trước pháp luật.

Điều 10. - Công tác quản lý giải pháp hữu ích.

Công tác quản lý giải pháp hữu ích tuân theo những quy định về tổ chức và chỉ đạo hoạt động sáng kiến - sáng chế; chế độ khuyến khích những người hỗ trợ tác giả và những người tổ chức áp dụng lần đầu giải pháp hữu ích áp dụng những quy định tương ứng của Điều lệ về sáng kiến cải tiến kỹ thuật - hợp lý hoá sản xuất và sáng chế.

CHƯƠNG II

BẢO HỘ CÁC QUYỀN ĐỐI VỚI GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

A. Các quyền và nghĩa vụ đối với giải pháp hữu ích

Điều 11. - Xác lập quyền:

1. Sự bảo hộ pháp lý giải pháp hữu ích bắt đầu từ khi Nhà nước cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích.
2. Bằng độc quyền giải pháp hữu ích xác lập độc quyền sử dụng giải pháp hữu ích cho người được cấp bằng (sau đây gọi là chủ bằng) và các quyền của tác giả.
3. Bằng độc quyền giải pháp hữu ích có hiệu lực 6 năm kể từ ngày ưu tiên của đơn.
4. Khối lượng bảo hộ giải pháp hữu ích được xác định ở nội dung của yêu cầu bảo hộ.

Điều 12. - Độc quyền sử dụng giải pháp hữu ích.

1. Độc quyền sử dụng giải pháp hữu ích là độc quyền tiến hành các hoạt động liên quan đến giải pháp hữu ích nhằm mục đích sản xuất kinh doanh.
2. Chủ bằng có thể chuyển giao sử dụng hoặc quyền sở hữu giải pháp hữu ích cho cá nhân hoặc cơ quan đơn vị khác.

Mọi hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng (hợp đồng lixăng) hoặc quyền sở hữu giải pháp hữu ích đang được bảo hộ phải đăng ký tại Cục Sáng chế - Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước và được công bố trong thông báo do Cục Sáng chế - Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước xuất bản.

Điều 13. - Quyền của tác giả: